

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Erex Sakura Biomas Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Nhà máy nhiên liệu sinh khối Erex sakura Tuyên Quang;

Xét Văn bản số 03/2025/CV-SNNMT ngày 02 tháng 12 năm 2025 đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Erex Sakura Biomas Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Erex Sakura Biomas Tuyên Quang, có địa chỉ tại lô C9, Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*nay là phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1). Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Erex Sakura Biomas Tuyên Quang tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1).

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (bản chính);
- UBND phường Bình Thuận;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (bản chính);
- Công ty TNHH Erex Sakura Biomas Tuyên Quang (nhận KQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh);
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục:
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

*(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số /GPMT-UBND
ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Điều chỉnh thông tin về địa điểm hoạt động của cơ sở tại Điều 1 và Mục 1.2 Khoản 1 Điều 1 Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Erex Sakura Biomas Tuyên Quang, địa chỉ tại Lô C9, Khu công nghiệp Long Bình An, phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy nhiên liệu sinh khối Erex Sakura Tuyên Quang tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh khối Erex Sakura Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C9, Khu công nghiệp Long Bình An, phường Bình Thuận, tỉnh Tuyên Quang."

2. Điều chỉnh, bổ sung quy trình thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn của bãi chứa nguyên liệu (Nguồn số 02) tại Mục 3.1 Phần B Phụ lục 01 Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

3.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Nguồn số 2: Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu (trong điều kiện bình thường): Dự án thiết kế đường thoát nước riêng, công thu gom có kích thước (600x600) mm thu gom nước mưa chảy tràn dẫn về hệ thống xử lý nước mưa có dung tích 150 m³ (hệ thống bể 03 ngăn xử lý bằng hóa chất PAC và polymer kết hợp với hệ thống khuấy trộn hóa chất khử màu và lắng). Nước thải sau khi xử lý màu sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy công suất 22 m³/ngày, đêm để tiếp tục xử lý sau đó được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình An.

Trường hợp xảy ra mưa lớn, lưu lượng nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu lớn, lượng nước mưa đợt đầu được thu gom, xử lý như trong điều kiện bình thường (dẫn về hệ thống xử lý nước mưa có dung tích 150m³, nước thải sau khi xử lý màu sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy công suất 22 m³/ngày, đêm để tiếp tục xử lý sau đó được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình An). Khi cường độ mưa lớn làm đầy toàn bộ dung tích các bể của hệ thống xử lý 150m³, hệ thống sẽ tự động chuyển sang cơ

chế lắng để giữ lại bùn đất, phần nước trong sẽ chảy tràn qua lỗ xả tràn tại bể chứa 02 để thoát ra hệ thống thoát nước mặt của KCN."

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại Phần A, Mục 1.1 và Mục 1.2 Phần B Phụ lục 02 Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi từ khu vực nghiền thô.
- Nguồn số 02: Khí thải lò đốt số 01.
- Nguồn số 03: Khí thải lò đốt số 02.
- Nguồn số 04: Bụi từ máy nghiền tinh số 01.
- Nguồn số 05: Bụi từ máy nghiền tinh số 02.
- Nguồn số 06: Bụi từ máy nghiền tinh số 03.
- Nguồn số 07: Bụi ép viên và khu vực làm nguội sản phẩm.
- Nguồn số 08: Bụi từ hệ thống hút ẩm, khí nóng khu vực máy ép viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106^0 múi chiều 3^0):

- Dòng khí thải số 01: Khí thải lò đốt số 01: Tọa độ (X: 2404478; Y: 421884).
- Dòng khí thải số 02: Khí thải lò đốt số 02: Tọa độ (X: 2404478,5; Y: 421884,5).
- Dòng khí thải số 03: Bụi từ máy nghiền tinh số 01: Tọa độ (X: 2404478; Y: 421884).
- Dòng khí thải số 04: Bụi từ máy nghiền tinh số 02: Tọa độ (X: 2404478,5; Y: 421884,5).
- Dòng khí thải số 05: Bụi từ máy nghiền tinh số 03: Tọa độ (X: 2404478,8; Y: 421884,5).
- Dòng khí thải số 06: Bụi từ khu vực nghiền + bụi máy ép viên và khu vực làm nguội: Tọa độ (X: 2404468,2; Y: 421865,6).
- Dòng khí thải số 07: Bụi từ hệ thống hút ẩm, khí nóng khu vực máy ép viên: Tọa độ (X: 2404471; Y: 421865).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải lò đốt số 01: 150.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải lò đốt số 02: 150.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Bụi từ máy nghiền tinh số 01: 45.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Bụi từ máy nghiền tinh số 02: 45.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Bụi từ máy nghiền tinh số 03: 45.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Bụi từ khu vực nghiền + bụi máy ép viên và khu vực làm nguội: 192.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 07: Bụi từ hệ thống hút ẩm, khí nóng khu vực máy ép viên: 24.000m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

a) Từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031:

STT	Dòng khí thải	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép(QCVN 19:2009/BTNMT, Kv=0,8, Kp=0,8-0,9)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 03, 04, 05, 06, 07					
1	Bụi từ máy nghiền tinh số 01	Bụi tổng	mg/Nm ³	144	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
2	Bụi từ máy nghiền tinh số 02	Bụi tổng	mg/Nm ³	144		
3	Bụi từ máy nghiền tinh số 03	Bụi tổng	mg/Nm ³	144		
4	Bụi từ khu vực nghiền + bụi máy ép viên và khu vực làm nguội	Bụi tổng	mg/Nm ³	128		
5	Khí thải từ hệ thống hút ẩm, khí nóng khu vực máy ép viên	Bụi tổng	mg/Nm ³	144		
II	Dòng khí thải số 01, 02					
1	Khí thải lò đốt số 01	Bụi tổng	mg/Nm ³	128	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
		CO	mg/Nm ³	640		
		CO ₂	mg/Nm ³	544		
		SO ₂	mg/Nm ³	320		
2	Khí thải lò đốt số 02	Bụi tổng	mg/Nm ³	128		
		CO	mg/Nm ³			
		CO ₂	mg/Nm ³	544		
		SO ₂	mg/Nm ³	320		

b) Từ ngày 01/01/2032:

STT	Dòng khí thải	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I Dòng khí thải số 03, 04, 05, 06, 07						
1	Bụi từ máy nghiền tinh số 01	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
2	Bụi từ máy nghiền tinh số 02	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Bụi từ máy nghiền tinh số 03	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
4	Bụi từ khu vực nghiền + bụi máy ép viên và khu vực làm nguội	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
5	Bụi từ hệ thống hút âm, khí nóng khu vực máy ép viên	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
II Dòng khí thải số 01, 02						
1	Khí thải lò đốt số 01	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 50	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
		CO	mg/Nm ³	≤ 300		
		NOx	mg/Nm ³	≤ 300		
		SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		
2	Khí thải lò đốt số 02	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 50		
		CO	mg/Nm ³	≤ 300		
		NOx	mg/Nm ³	≤ 300		
		SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò đốt số 01 để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 02 được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò đốt số 02 để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 03 được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 01 để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 04 được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 02 để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 05 được thu gom bằng đường ống kín dẫn về hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 03 để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nguồn số 06: Bụi từ khu vực nghiền thô được xử lý sơ bộ bằng thiết bị Cyclon và được thu gom theo đường ống kín dẫn về và xử lý cùng với bụi khu vực ép viên và làm nguội trước khi xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 07 được thu gom bằng quạt hút đưa về bể gom khí để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

STT	Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải	Tóm tắt quy trình công nghệ	Công suất thiết kế (m ³ /giờ)	Hóa chất, vật liệu sử dụng
1	Hệ thống xử lý khí thải lò đốt số 01	Khí thải → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Quạt hút → Nhà xử lý khí thải → Ống thải ra môi trường	150.000	Nước (Nước vôi trong)
2	Hệ thống xử lý khí thải lò đốt số 02	Khí thải → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Quạt hút → Nhà xử lý khí thải → Ống thải ra môi trường	150.000	Nước (Nước vôi trong)
3	Hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 01	Bụi → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải ra môi trường	45.000	Không
4	Hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 02	Bụi → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải ra môi trường	45.000	Không
5	Hệ thống xử lý bụi máy nghiền tinh số 03	Bụi → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thải ra môi trường	45.000	Không
6	Hệ thống xử lý bụi khu vực ép viên và làm nguội	Bụi → Hệ thống đường ống dẫn → Cyclon → Quạt hút → Nhà lắng → Ống thải ra môi trường	192.000	Nước (Nước vôi trong)
7	Hệ thống xử lý bụi khu vực hệ thống hút ẩm, khí nóng máy ép viên	Bụi → Quạt hút → bể gom → Ống thải ra môi trường	24.000	Không

4. Điều chỉnh khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Mục 1.2 Phần A Phụ lục 04 Giấy phép môi trường số

12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang như sau:

- "1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh
- Cành cây, vỏ cây, mùn cưa phát sinh khoảng: 9.600 tấn/năm.
 - Các loại viên nén gỗ vụn thải loại do không đảm bảo kích thước phát sinh khoảng 3.000 tấn/năm.
 - Tro từ lò đốt phát sinh khoảng 30 tấn/năm.
 - Lưỡi cưa hỏng, các vật dụng kim loại phát sinh khoảng 150 kg/năm."

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện những nội dung điều chỉnh.
- Công ty TNHH Erex Sakura Biomas Tuyên Quang tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.